

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	619	T.UNG	7:15	7	0		18	0	tất máy 1h00
2	616	P4	7:25	13	0		19	0	
3	645	PPD+BK5	7:25	12+0	0+0		12+4	0+0	
4	646	TD1	7:25	14	0		16	0	
5	616	RP3	9:25	10	0		19	0	
6	645	C10	9:25	9	0		16	0	
7	646	C10+RC3	9:25	6+0	0+0		10+5	0+0	
8	645	TD1+BK8	11:25	4+4	0+0		5+10	0+0	
9	646	PPD	11:25	7	0		16	0	
10	619	P4	11:25	0	0		19	0	
11	620	RP3	11:25	9	0		19	0	
12	645	AMD+BK21	13:25	0+0	0+0		14+2	0+0	
13	646	P3	13:25	0	0		16	0	
14	619	P10	13:25	0	0		19	0	
15	620	CTK3	13:25	0	0		19	0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025		TO: T.UNG(+01H)			AIRCRAFT: 619			ETD: 07:05		
FLIGHT: 01		FROM: VT			CREW: TRƯỜNG - VƯƠNG - QUA			ETA: 12:00		
VIP										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	FURSOV G.A.	T.UNG						79	D-HANH	Russian
2	TRẦN LÊ PHƯƠNG	T.UNG				7	110	66	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM THANH HA	T.UNG	78	1	4			93	D-HANH	Vietnamese
4	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	T.UNG	76-77	2	7			50	D-HANH	Vietnamese
5	HOANG VAN MINH	T.UNG						79	D-HANH	Vietnamese
6	TẠ DUY	T.UNG	75	1	5			71	D-HANH	Vietnamese
7	KARIMOV S.S.	T.UNG						71	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	7	509	4	16	7	110	18		
TOTAL		7	509	4	16	7	110	18		
WEIGHT KG			509		16		110	+10		

GRAND TOAL: 635 KGS + 10kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025	TO: P4	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	88	1	5	5	16	72	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	97	1	3	1	20	67	KHI	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	95	1	7			58	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	93	1	5			99	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	96	1	7			72	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	94	1	6			77	KHI	Vietnamese
7	LÊ HUY CHUÔNG	P4	90	1	8			56	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	99	1	4			75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ANH	P4	98	1	3			67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	2000	1	5			68	KHI	Vietnamese
11	LUƠNG THANH VŨ	P4	92	1	5			80	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P4	91	1	8			72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	98	1	4			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	13	940	13	70	6	36	19		
TOTAL		13	940	13	70	6	36	19		
WEIGHT KG			940		70		36			

GRAND TOAL: 1.046 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025		TO: PPD - BK5			AIRCRAFT: 645			ETD: 07:30		
FLIGHT: 03		FROM: VT			CREW: VIỆT - MMINH			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	91	1	5	1	16	73	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	27	1	4			64	KHI	Vietnamese
3	HUYNH TÂN THANH	PPD	22-23	2	16	1	3	68	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	89	1	5			83	KHI	Vietnamese
5	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	26	1	5			59	KHI	Vietnamese
6	LÊ HỒNG PHONG	PPD	08,88	2	14			80	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	24	1	7			63	KHI	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	90	1	3			70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	25	1	5			72	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	15	1	4			69	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	92	1	9			84	KHI	Vietnamese
12	CAO NAM QUY	PPD	20	1	7			72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	12	857	14	84	2	19	12		
2	BK5	0	0	0	0	1	10	4		
TOTAL		12	857	14	84	3	29	16		
WEIGHT KG			857		84		29			

GRAND TOAL: 970 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025	TO: TD1	AIRCRAFT: 646	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CÔNG - HLONG	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐO MINH DỪNG	TD1	75	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN QUY	TD1	88	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
3	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	23	1	2			60	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGỌC SƠN	TD1	77	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN GIANG	TD1	85-86	2	8			72	KHOAN	Vietnamese
6	LUU THIEN ĐỨC	TD1	81-82	2	7			64	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH HUY TOÀN	TD1	87	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MINH HIẾU	TD1	76	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	80	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	79	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH LUÂN	TD1	78	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
12	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	81	1	10			80	KHOAN	Russian
13	PHẠM VĂN TRI	TD1	74	1	4			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	13	862	15	75	0	0	16		
TOTAL		13	862	15	75	0	0	16		
WEIGHT KG			862		75		0			

GRAND TOAL: 937 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

F. 1080 kg (Giang) 07/8'

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 11:50
VANG-2			

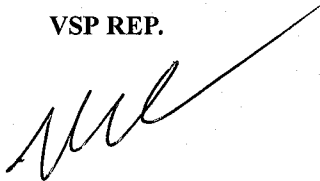
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUBOV A.	RP3	30	1	8			98	KH-THAC	Russian
2	HOANG XUAN HUNG	RP3						72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TUAN	RP3						86	KHI	Vietnamese
4	LE DUC VIET	RP3	32	1	9			71	KHI	Vietnamese
5	BUI VAN PHU	RP3	34	1	3			74	KHI	Vietnamese
6	HA VAN THUY	RP3	31	1	6			72	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG NAM	RP3	37-39	3	13			87	KHI	Vietnamese
8	LE HOANG ANH	RP3	36	1	9			69	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	35	1	5			69	KHI	Vietnamese
10	DUONG HONG QUAN	RP3	33	1	10			74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	10	772	10	63	0	0	19		
TOTAL		10	772	10	63	0	0	19		
WEIGHT KG			772		63		0			

GRAND TOAL: 835 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025	TO: CLO	AIRCRAFT: 645	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CÔNG - KHOÀN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SUKHOMLIN IGOR	CLO	48	1	7	1	20	125	KHOAN	Russian
2	NGUYEN MANH HUNG	CLO	45-46	2	13			80	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM TAT LUC	CLO	43-44	2	10			69	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN NAM	CLO	42	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LUC	CLO	49	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
6	DO TRUONG GIANG	CLO	47	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU THANG	CLO	38-39	2	9			62	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN KHANG	CLO	37	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUAN DUY	CLO	40-41	2	10			65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	9	667	13	82	1	20	16		
TOTAL		9	667	13	82	1	20	16		
WEIGHT KG			667		82		20			

GRAND TOAL: 769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Wu vs P



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	TO: CLO - RC3	AIRCRAFT: 646	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HLONG - LINH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	51	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH XUÂN PHU	CLO	52	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
3	BUI TRAN NAM	CLO	50	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH QUANG CHIEN	CLO	49	1	16	4	65	74	KHOAN	Vietnamese
5	VU MANH NAM	CLO	53-54	2	15			77	DVL	Vietnamese
6	LA QUY DANH	CLO	55	1	13			62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	6	427	7	67	4	65	10		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		6	427	7	67	4	65	15		
WEIGHT KG			427		67		65			

GRAND TOAL: 559 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025	TO: TD1 - BK8	AIRCRAFT: 645	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: CÔNG - XHOÀN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN DỪNG	TD1	91	1	17			67	ANTOAN	Vietnamese
2	ĐO VĂN THAI	TD1	92	1	14			71	DVL	Vietnamese
3	NGÔ THANH SƠN	TD1	90	1	8			78	DVL	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN DƯ	TD1	93	1	9			68	PSV	Vietnamese
5	HOANG TUAN ANH	TD1	89	1	12			77	KHOAN	Vietnamese
6	TÀNG TIẾN TOÀN	BK8	32	1	11			80	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH THAO	BK8	33	1	17			68	DVL	Vietnamese
8	BUI HUY BĂNG	BK8	800	1	11			67	DVL	Vietnamese
9	VU TRƯỞNG GIANG	BK8	31	1	12			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	5	361	5	60	0	0	6		
2	BK8	4	284	4	51	0	0	10		
TOTAL		9	645	9	111	0	0	16		
WEIGHT KG			645		111		0			

GRAND TOAL: 756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	TO: PPD	AIRCRAFT: 646	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HLONG - LINH	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	08	1	5	2	40	66	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	04	1	5	1	7	55	KHI	Vietnamese
3	LÊ HUY VINH	PPD	07	1	6			65	KHI	Vietnamese
4	VU VĂN CHIẾN	PPD	06	1	5			71	KHI	Vietnamese
5	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	09	1	4			68	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	03	1	6			87	KHI	Vietnamese
7	TELIANTS A	PPD	05	1	6			90	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	7	502	7	37	3	47	16		
TOTAL		7	502	7	37	3	47	16		
WEIGHT KG			502		37		47			

GRAND TOAL: 586 KGS

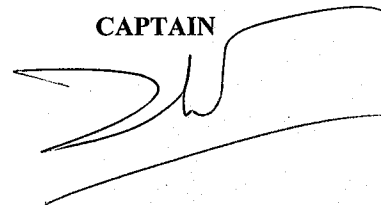
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025 FLIGHT: 10	FROM: VT TO: P4	AIRCRAFT: 619 CREW: TRƯỜNG - VƯƠNG	ETD: 12:35 ETA: 14:25
--------------------------------	--------------------	---------------------------------------	--------------------------

ROUTE: VT - P4 - VT

No.	PAXNAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - P4									
1	NIL						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	19	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)
1. TOTAL OF PAX
2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 10:40
FUEL



XNLD VIETSOVPETRO

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Điện thoại:

Ngày bay: 22/01/2025	Nơi xuất phát: MSPTT-4	Số hiệu máy bay: 619	Giờ cất cánh:	11h 25
Chuyến Bay: 2	Nơi đến: Vũng Tàu	Đường bay: P4	Giờ hạ cánh:	

Hành khách:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Danh số/ CCCD	Hành lý		Trọng lượng	Ghi Chú
						Số kiện	Kg		
1	Doãn Thành Công	GPKK	Xn Khí	Việt Nam	17196	1	6	72	
2	Tạ Văn Quỳnh	Ks. KIP	Xn Khí	Việt Nam	17327			74	
3	Nguyễn Thành Nghĩa	Kỹ sư	VHI- PFO	Việt Nam	68085000158	1	12	67	
4	Đào Chí Thân	Kỹ sư	VHI- PFO	Việt Nam	80088002179	1	6	93	
5	Võ Đình Hà	Độc công	T.Vinh PFO	Việt Nam	40087030695	1	4	65	
6	Trần Đình Chương	Độc công	T.Vinh PFO	Việt Nam	1077032252			69	
7	Trương Văn Huân	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	15065000020	1	6	60	
8	Nguyễn Xuân Thông	Thợ GG	T.Vinh PFO	Việt Nam	40080020475	1	11	62	
9	Võ Văn Giang	Thợ GG	T.Vinh PFO	Việt Nam	40076002702	1	10	62	
10	Lê Văn Lực	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	38077011963	1	9	69	
11	Lê Vũ Lực	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	38073005348	1	5	75	
12	Trần Minh Trung	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	77081002126	1	8	65	
13	Nguyễn Đình Quỳnh	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	38091037180	2	8	70	
14	Đỗ Đình Trường	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	38081013932	2	15	58	
15	Lê Duy Trường	Thợ Cơ khí	T.Vinh PFO	Việt Nam	33092008066	1	11	73	
16	Nghiêm Anh Vũ	Tập vụ	Petrosetco	Việt nam		1	6	66	
17	Ngô Đức Trường	Thợ lắp ráp	Nam Tiến	Việt nam	42084007829	1	4	56	
18	Hoàng Minh Cảnh	Thợ lắp ráp	Nam Tiến	Việt nam	44099003562	1	6	63	
19	Đinh Văn Cường	Thợ CAM	Nam Tiến	Việt nam		1	9	62	
20									
21									
Số HK đi:		17			Trọng Lượng		130	1135	

Hàng Hóa:

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng	Ghi Chú
1	Tool phục vụ công việc		2	18	

Ghi chú:

Tổng cộng:

Người lập:

Đại diện giàn MSP-4:

Phi công Trưởng:

Nguyễn Quang Tuyền

Mô tả	Số lượng	Trọng lượng	Ghi Chú
Hành khách	17	1135	
Hành lý	18	130	
Hàng hóa	2	18	
Tổng cộng	37	1283	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2025		TO: RP3		AIRCRAFT: 620			ETD: 12:30			
FLIGHT: 11		FROM: VT		CREW: ĐTRUNG - TTRUNG			ETA: 14:20			
PAGE 3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	44	1	6			82	KHI	Vietnamese
2	TRAN THANH DUC	RP3	42	1	6			98	KHI	Vietnamese
3	PHAM VAN THIET	RP3	45	1	6			64	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN Q.BAO BINH	RP3	46	1	8			60	KHI	Vietnamese
5	TRINH QUANG HUY	RP3	50-51	2	4			73	KHI	Vietnamese
6	LE XUAN HIEN	RP3	47	1	4			77	KHI	Vietnamese
7	TA PHI KHANH	RP3						73	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUONG	RP3	48-49	2	10			74	KHI	Vietnamese
9	HO NGOC THANH	RP3	43	1	10			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	9	659	10	54	0	0	19		
TOTAL		9	659	10	54	0	0	19		
WEIGHT KG			659		54		0			

GRAND TOAL: 713 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 645	ETD: 14:30
FLIGHT:	TO: AMD - BK21	CREW: QVIỆT - MMINH	ETA: 16:20

ROUTE: VT - AMD - BK21 - VT

ROUTE: VT - AMD - BK21 - VT

No.	PAXNAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - AMD									
1	NIL PAX						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	14	WT:	0	0	0
SECTOR 2 : VT - BK21									
2	NIL PAX						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	2	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)
1. TOTAL OF PAX
2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 12:00
FUEL



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO
OGPE

DATE: 22/01/2025		FROM: AMD		AIRCRAFT: 645		ETD: 13:25		
FLIGHT: VSP #1		TO: VT		Crew: VIET-MINH		ETA: 14:15		
		ROUTE:		AMD-BK21				
No	PAX NAME	POSITION	PCS	BAG	BODY.W	ID/PASSPORT	COMPANY	NATION
1	Nguyễn Ngọc Hải	C.Boss	1	5	63		PSV	Vietnamese
2	Lê Quang Vinh	Utility	1	5	68		PSV	Vietnamese
3	Nguyễn Hoàng Phúc Phi	Supervisor	1	11	70		BAB	Vietnamese
4	Lê Xuân Đông	Tech	1	8	60		BAB	Vietnamese
5	Nguyễn Quốc Khánh	Tech	1	10	68		BAB	Vietnamese
6	Trịnh Ngọc Hưng	Tech	1	9	60		BAB	Vietnamese
7	Nguyen Van Nghia	Tech	2	12	62		BAB	Vietnamese
8	Dang Quoc Tu	Tech	4	20	72		PHATECO	Vietnamese
9	Ngo Van Quang	Tech	1	9	69		Ha viet	Vietnamese
10	Nguyen Van Tuyen	Tech	1	9	62		Ha viet	Vietnamese
11	Nguyen Mau Thong	Tech	1	10	80		Ha viet	Vietnamese
12	Bui Van Duc	Tech	2	10	65		Ha viet	Vietnamese
13	Nguyen Cong Luat	Supervisor	2	20	75		Ha viet	Vietnamese
14	Nguyen Van Manh	Tech	1	9	78		Ha viet	Vietnamese
	14		20	147	952			

FREIGHT DESCRIPTION		DESTINATION.	Q.TY	WEIGHT
REMARK		PAX. WEIGHT		952
AMD REP  HSE Specialist SO Armada TGT I		BAG WEIGHT		147
CAPTAIN 		CARGO WEIGHT		0
		TOTAL		1099



Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay:

Ngày: 22/01/2025	Nơi xuất phát: BK21	Số hiệu máy bay: 645	Giờ cất cánh	14:30
Chuyến bay:	Nơi đến: Vũng Tàu	Tổ bay: QVIET-MMINH	Giờ hạ cánh	16:20

HÀNH KHÁCH:

STT	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng người
						Số kiện	Kg	Kg
1	Nguyễn Thanh Tùng	Thợ Điện - TDH	XNCD	Việt Nam	20438	1	12	71
2	Dặng Đình Tuấn	Thợ Điện - TDH	XNCD	Việt Nam	11702	1	12	70
Số HK đi						2		
Trọng lượng:						2	24	141

HÀNG HOÁ:

Sr	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1	Thùng Tools	Vũng Tàu	1	15
2	Bơm áp suất		1	10
			2	25

Ghi chú:

Người lập:

A

Nguyễn Mạnh Trường

Dairdien gians:

Đại diện gian:
XNKT - TĐHT
MSP-6
BK-21

Nguyễn Mạnh Trường

Phi công trường:

[Handwritten signature]

Tổng cộng

Mô tả	Số lượng	Trọng lượng (kg)
Hành khách	2	141
Hành lý	2	24
Hàng hóa	2	25
Tổng cộng		190



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 646	ETD: 14:35
FLIGHT:	TO: P3	CREW: AVIET - LINH	ETA: 16:25

ROUTE: VT - P3 - VT

ROUTE: VT - P3 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - P3								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0	PAX IN	16	WT:	0	0	0
TOTAL		0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :			PAX.WEIGHT		0
			BAG.WEIGHT		0
			CARGO WEIGHT		0
			TOTAL		0

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 12:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name S signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT S BAG:

Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	16	1123
Hành lý	24	259
Hàng-hóa	0	20
Tổng cộng	40	1402



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 14:55
FLIGHT:	TO: P10	CREW: MTIEN - VUONG	ETA: 16:45

ROUTE: VT - P10 - VT

ROUTE: VT - P10 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - P10								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0	PAX IN	19	WT:	0	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	OSC FOOD STUF	76-77	P10	2	35
REMARK : VSP REP. / VNH REP. CAPTAIN			PAX.WEIGHT		0
			BAG.WEIGHT		0
			CARGO WEIGHT		35
			TOTAL		35

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 12:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FLIGHT MANIFEST

Đường bay:

XNLD VIETSOVPETRO

Ngày: 21/01/2025	Nơi đi : P10	SH MB	619	H cất cánh	15h00
Chuyến bay: 01	Nơi đến : Vũng Tàu	Tổ bay		H hạ cánh	

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		T Lượng Người
						Số kiện	Kg	Kg
1	Lê Đức Thọ	Thợ lắp ráp	XNXL	VN	XL946	2	11	66
2	Phạm Minh Trung	Thợ lắp ráp	XNXL	VN	XL1571	2	10	59
3	Đào Hải Tùng	Thợ lắp ráp	XNXL	VN	XL2161	2	13	61
4	Trần Văn Chiêu	Thợ lắp ráp	XNXL	VN	XL1602	2	14	62
5	Vũ Văn Lợi	Thợ cắt	XNXL	VN	XL2372	2	12	67
6	Trần Văn Hanh	Thợ hàn	XNXL	VN	19861	2	10	65
7	Trần Văn Hệ	Thợ hàn	XNXL	VN	XL226	2	12	60
8	Hà Hữu Thái	Thợ hàn	XNXL	VN	XL826	2	10	59
9	Phạm Bá Hoàng	Thợ hàn	XNXL	VN	XL1178	2	13	61
10	Đào Văn Khôi	NDT	XNXL	VN	XL451	2	15	68
11	Võ Chí Thanh	Thợ tời	DVL	VN	16958	1	12	71
12	Vũ Việt Huân	Thợ VH	XNKT	VN	19587	1	14	70
13	Trần Quang Hải	K Sư	XNKT	VN	77092001825	1	15	64
14	Lục Văn Kiên	K Sư	XNKT	VN	4086006713	1	17	71
15	Trần Thiên Sơn	Đốc công	S Hùng	VN	44072010509	2	15	55
16	Nguyễn Văn Hòa	Thợ cam	S Hùng	VN	42087002106	1	15	56
17	Nguyễn Văn Hương	Thợ cam	S Hùng	VN	42081101683	1	16	57
18	Bùi An	Thợ hàn	S Hùng	VN	51066014885	2	15	70
19	Nguyễn Hoàng Trinh	NVPV	Đ Sống	VN	PSV04030	1	10	60
	Số HK đi:	19			Tr. lượng:	31	249	1202

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				

Người lập:	Đại diện giàn:	Phi công trưởng	Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Signed by: Phạm Văn Hương Date: 21/01/2025 20:46:42 Certified by: Vietsovpetro CA P.V. Hương			Hành khách	19	1202
			Hành lý	31	249
			Hàng hóa	0	0
			Tổng cộng		1451 KG
Signed by: Якимиди Руслан Надимович Date: 21.01.2025 21:23:34 Certified by: Vietsovpetro CA IAKIMIDI R.N					





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 14:50
FLIGHT:	TO: CTK3	CREW: ĐTRUNG - TTRUNG	ETA: 16:40

ROUTE: VT - CTK3 - VT

ROUTE: VT - CTK3 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - CTK3								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0	PAX IN	19	WT:	0	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	OSC FOOD STUFF	73-76	CTK3	4	70
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					70
					TOTAL
					70

FINISHED: 12:00

FUEL

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:



VIETSOVPETRO
XNLD VIETSOVPETRO
Điện thoại: 0918532945

Chuyến 1

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay:

CTK-3

Ngày: 22/1/2025		Nơi xuất phát: CTK 3		SH m.bay:		Giờ cất cánh: 13h25		
Chuyến bay:		Nơi đến: VŨNG TÀU		Tổ bay:		Giờ hạ cánh:		
HÀNH KHÁCH:								
Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng Kg	Ghi chú
					Số kiện	Kg		
1	MAI VĂN PHONG	Giám sát an toàn	BIENDONG	Việt Nam	1	15	57	
2	TRẦN VIỆT TUẤN	Thợ Cam	BIENDONG	Việt Nam	1	14	68	
3	NGUYỄN VĂN CHÂU	Thợ Cam	BIENDONG	Việt Nam	1	13	71	
4	NGUYỄN VIỆT HUNG	Thợ Cam	BIENDONG	Việt Nam	1	12	70	
5	NGUYỄN VĂN CÔNG	Thợ GG	BIENDONG	Việt Nam	1	14	68	
6	PHẠM VĂN ĐĂNG	Thợ Cam	BIENDONG	Việt Nam	1	13	73	
7	NGUYỄN HỮU BẢO	Thợ Cam	BIENDONG	Việt Nam	1	15	70	
8	BÙI TRẦN TIẾN	Thợ lắp	NAM TIEN	Việt Nam	1	14	64	
9	LA HẬU	Thợ Máy	NAM TIEN	Việt Nam	1	15	71	
10	LÊ XUÂN TIẾN	Thợ CAM	NAM TIEN	Việt Nam	1	13	62	
11	CAO BÁ QUANG	Thợ CAM	NAM TIEN	Việt Nam	1	13	65	
12	NGUYỄN HỮU NHÂN	Thợ lắp	NAM TIEN	Việt Nam	1	14	75	
13	VÔ VĂN HOA	Thợ CAM	NAM TIEN	Việt Nam	1	14	80	
14	ĐOÀN MINH HIỆP	Thợ hàn	NAM TIEN	Việt Nam	1	12	73	
15	NGUYỄN DUY DŨNG	Thợ hàn	NAM TIEN	Việt Nam	1	11	63	
16	TRẦN HÙNG ANH	Bếp	PETROSETCO	Việt Nam	1	14	74	
17	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	Buồng	PETROSETCO	Việt Nam	1	9	63	
18	NGUYỄN MINH HOÀNG	Bếp	PETROSETCO	Việt Nam	1	10	64	
19	HỒ QUANG HIỆP	Đăng kiểm	VSP-KhaiThac	Việt Nam	1	11	64	
		19		Trọng lượng	19	246	1295	
	Số HK đi:	0		Trọng lượng	0	0	0	
	Số HK đi:	0		Trọng lượng	0	0	0	
HÀNG HOÁ:								
Stt	Tên hàng hóa		Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng			
	Ghi chú:							
	Đại diện giàn		Phi công trưởng		VŨNG TÀU			
			Hành khách	19	1295			
			Hành lý	246	246			
			Hàng hóa					
			Tổng cộng		1541 kg			

Nguyễn Tiến Dũng